

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ 2: BẢN THÂN

Số tuần: 04 từ ngày 06 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 10 năm 2025)

I. NỘI DUNG, MỤC TIÊU GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ.

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Hoạt động giáo dục	ĐCBS
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Vận động				
1	Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	* Hoạt động học: - Hô hấp: Hít vào thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). - Lưng, bụng, lườn: - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.	

2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát.	* Hoạt động học: - Đi trên ghế thể dục	
4	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp.	- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	* Hoạt động học: - Chuyền bóng bằng 2 tay qua đầu, qua chân.	
5	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Chạy 18m trong 10 giây. - Chạy chậm khoảng 100-120m. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 - 5m. - Bò đích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang.	*Hoạt động học	
7	Trẻ bật được xa tối thiểu 50 cm.	- Bật tách chụm chân, khép chân qua 7 ô.	*Hoạt động học: - Bật tách, chụm chân	
8	Trẻ thực hiện được các vận động:	- Các cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bỏ, nắm		

	- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay			
9	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. - Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya).	- Lắp ráp. - Xé, cắt đường vòng cung. - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	* Hoạt động học: - Tạo hình: Cắt, dán áo bạn trai, bạn gái. - Kỹ năng sống: Kỹ năng khâu và buộc dây giày.	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
10	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.	* Hoạt động ăn, ngủ: Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất. - Hoạt động góc: + Góc phân vai: Nấu ăn, bán hàng một số thực phẩm: cá, thịt, rau, củ, quả.	
11	Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống. <i>Luộc, xào, rán,... tại trường lớp và gia đình trẻ.</i>		
12	Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với	* Hoạt động ăn, ngủ: Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất.	

	dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		
13	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.	- Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	* Hoạt động vệ sinh trước và sau khi ăn. * Hoạt động theo ý thích: Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.	
14	Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Cách sử dụng một số đồ dùng trong ăn uống.	* Hoạt động ăn, ngủ: Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất. - Hoạt động góc: + Góc phân vai: Nấu ăn, bán hàng một số thực phẩm: cá, thịt, rau, củ, quả.	
15	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	- Luyện tập cho trẻ một số thói quen, hành vi văn minh trong ăn uống. - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe <i>theo phong tục văn hóa của địa phương</i>.	*Hoạt động ăn: Trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn	
16	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.	- Luyện tập cho trẻ một số thói quen vệ sinh. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		

	- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết : <i>Cách mặc trang phục Thái, Mông....</i> - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.		
19	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.		
20	Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		

	+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ			
21	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào..	- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a. Khám phá khoa học				
23	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Đặc điểm bên ngoài lợi ích và tác hại của con vật, cây hoa, quả. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác nhau của cơ thể. - Biết bảo vệ các bộ phận trên cơ thể (bảo vệ đôi mắt, bảo vệ tai, mũi, làn da... (lồng ghép KNS) - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.	* Hoạt động ngoài trời * Hoạt động chơi chơi theo ý thích	
30	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng		*Hoạt động chơi: - Chơi ở các góc chơi.	

	qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Chơi hoạt động góc, qua các trò chơi vận động.		
<i>b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</i>				
33	Trẻ biết so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả.	- Chơi ngoài trời: So sánh các sự vật, đồ vật, đồ dùng đồ chơi ngoài trời.	
34	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp, tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	* Hoạt động học: Tách gộp trong phạm vi 6 thành 2 nhóm nhỏ hơn bằng các cách khác nhau.	
35	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.			
39	Trẻ biết và nhận ra quy tắc sắp xếp (Mẫu) và sao chép lại.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.		
42	Trẻ biết ghép các hình để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	* Hoạt động học: Chắp ghép các hình để tạo ra các hình mới theo ý thích, theo yêu cầu.	
44	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước, phía sau; phía trên, phía dưới, phải, trái so với bản thân trẻ, với bạn khác với một vật nào đó làm chuẩn.	* Hoạt động học: Xác định phía trước, sau, phía phải, phía trái so bản thân	
<i>c. Khám phá xã hội</i>				
46	Trẻ nói được họ và tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi trò chuyện.	Họ tên, ngày sinh, giới tính đặc điểm bên ngoài, sở thích của	* Hoạt động chơi - Đón, trả trẻ, trò chuyện hằng ngày: Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường, các bạn học sinh	

		bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	- Góc phân vai: Trẻ đóng vai bác cấp dưỡng cô giáo, các trẻ * Hoạt động học: Trò chuyện về bản thân	
53	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước.	* Hoạt động chơi	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
55	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu...	* Hoạt động chơi.	
56	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu... - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.	* Hoạt động chơi. Tìm hiểu các hoạt động vui chơi của trẻ.	
57	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	* Hoạt động chơi. - Hoạt động đón, trả trẻ, trò chuyện hàng ngày: + Trẻ kể lại được câu chuyện đã được học và được nghe	
60	Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép.	* Hoạt động chơi. - Hoạt động đón, trả trẻ, trò chuyện hàng ngày:	

62	Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ hò vè.	* Hoạt động học: Thơ : Ông trăng, chị hằng. Thơ : Xòe tay	
65	Trẻ biết sử dụng các từ: “Cảm ơn”, “Xin lỗi”; “Xin phép”; “Thưa”; “Dạ”; “vâng”... phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	* Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, hoạt động học, hoạt động chơi, chơi. - Giáo dục trẻ sử dụng các từ lễ phép.	
67	Trẻ biết chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	Hoạt động chơi ở góc thư viên, góc học tập	
71	Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. Phát âm các tiếng mẹ đẻ của trẻ.	- Trò chuyện, xem tranh ảnh, video,... có sử dụng các từ lễ phép.	
72	Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình - Hướng viết từ trái qua phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, hướng viết của các nét chữ.	* Hoạt động học: - LQCC: Ôn chữ cái: a, ă, â -LQCV: Tập tô: a, ă, â	
73	Trẻ biết giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.	- Không nói tục, chửi bậy	*Hoạt động chơi: Chơi ở các góc	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội				
a. Phát triển tình cảm				
75	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Họ, tên tuổi, giới tính của bản thân, bố, mẹ, địa chỉ gia đình, số điện thoại.	* Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, hoạt động học, hoạt động chơi, chơi. - Giáo dục trẻ sử dụng các từ lễ phép.	
76	Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân	* Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, hoạt	

	và việc gì bé không làm được.		động học, hoạt động chơi, chơi. - Giáo dục trẻ sử dụng các từ lễ phép.	
77	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	* Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, hoạt động học, hoạt động chơi, chơi. - Giáo dục trẻ sử dụng các từ lễ phép.	
82	Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	*Hoạt động chơi. - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video trường lớp của bé.	
83	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	*Hoạt động chơi. - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video trường lớp của bé.	
84	Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	* HĐ chơi: Hoạt động góc: Trẻ đóng vai chị, anh, cô giáo các bác trong trường chia sẻ với bạn bè, giao lưu giữa các góc chơi.	
b. Phát triển kỹ năng xã hội				
89	Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Thể hiện sự biết ơn, tôn trọng người khác làm cho mình (lòng ghép KNS) - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi đúng-sai, tốt-xấu.	* HĐLĐ - Trò chuyện, xem tranh ảnh, video..có sử dụng các từ lễ phép, vâng lời cô giáo, giúp đỡ bạn trong lớp. - Vệ sinh lớp học của bé. * Hoạt động chơi: Chơi ở các góc chơi	
90	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			
91	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	trẻ tuân thủ các yêu cầu: - Sắp xếp đồ chơi đúng nơi quy định	

			- Tuân thủ quy định chơi, biết chờ đến lượt, chơi hòa thuận với các bạn. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. Rèn cho trẻ 1 số kỹ năng gấp quần áo ở hoạt động mọi lúc mọi nơi.	
5. Phát triển thẩm mỹ				
99	Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe nhạc và vận động tự do theo cảm nhận âm nhạc của riêng mình bằng cách: giáo viên khuyến khích trẻ lắng nghe giai điệu và tiết tấu của bản nhạc (nhanh, chậm, to, nhỏ, mạnh, nhẹ, mềm mại, uyển chuyển, hùng mạnh) và tự vận động sao cho phù hợp với nhịp điệu âm nhạc.	* Hoạt động học: VĐTN" Cái mũi" (TT) NH " Rửa mặt như mèo" TC "Bao nhiêu bạn hát" VĐTN: Vì sao mèo rửa mặt.(TT) NH: Mời bạn ăn TC: Tự chọn	
100	Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.		
101	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.		
102	Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		

104	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	* Hoạt động học: - Tạo hình: Vẽ, tô màu chân dung của bé(ĐT) - Tạo hình: Cắt, dán áo bạn trai, bạn gái.	
107	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.		* Hoạt động học: Toán: Chắp ghép các hình để tạo ra các hình mới theo ý thích, theo yêu cầu.	
108	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.		
109	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)	* HĐ chơi. - Chơi đồ chơi ngoài trời. - Chơi góc vận động. - Làm một số đồ chơi từ nguyên vật liệu đơn.	
111	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Bảo vệ những đồ dùng/ sản phẩm của cá nhân và tôn trọng đồ dùng/ sản phẩm của người khác (lồng ghép KNS)		
112	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

II. CHUẨN BỊ.

- Chuẩn bị tranh ảnh, sách báo nói về chủ đề bản thân: Tôi là ai, Cơ thể của bé, Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh
- Tranh, giấy A4, kéo, đất nặn, sáp màu, lô tô, giấy màu, băng dính, ông sao, đèn lồng....đồ chơi cho trẻ.
- Tranh minh họa truyện, thơ, vở tạo hình, toán...
- Thẻ chữ, số, xác xô, mũ chóp, phách tre, trống, đàn...
- Nút nhựa hạt, gạch, cát, phấn, bộ đồ chơi gia đình, bộ đồ chơi bác sĩ, bán hàng, đồ dùng của cô giáo, người đầu bếp ...

- Một số đồ dùng học tập và đồ chơi các góc....

III. MỞ CHỦ ĐỀ.

- Trò chuyện với trẻ về trẻ kể họ, tên tuổi, giới tính của bản thân, bố, mẹ, địa chỉ gia đình, số điện thoại.

- Trò chuyện về 4 nhóm thực phẩm: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:

- Trò chuyện tìm hiểu về ngày tết trung thu
- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.
- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- Cô cho trẻ xem tranh ảnh về chủ bản thân và hình ảnh về các chủ đề nhánh:

Tôi là ai, Cơ thể của bé, Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh

- Trò chuyện với trẻ vào giờ đón trẻ, giờ ra chơi và giờ trả trẻ, cho trẻ tìm hiểu và trò chuyện về ngày tết trung thu..

- Hỏi trẻ: + Cháu học trường mẫu giáo gì?

+ Cháu tên là gì?

+ Địa chỉ nhà, họ tên bố mẹ.

+ Cháu học lớp mẫu giáo gì?

+ Trong lớp có những bạn nào?

+ Cô giáo cháu tên là gì?

+ Ở lớp có những đồ dùng, đồ chơi gì?

- Cô kể chuyện cho trẻ những câu chuyện thuộc chủ đề:

- Cho trẻ đọc những bài thơ:

+ Xòe tay, cô dạy....

- Cô cho trẻ chơi trò chơi: Truyền tin, tay cầm tay, tìm bạn thân, thi xem ai nói đúng, nhảy ra nhảy vào, ai giỏi nhất....

IV. KHÁM PHÁ CHỦ ĐỀ: “BẢN THÂN
